TÒA ÁN NHÂN DÂN TP TRÀ VINH **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 148/2022/QĐST-DS	*TP. Trà Vinh, ngày 29 tháng 12 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 21 tháng 12 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 82/2022/TLST-DS, ngày 05/5/2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Số 81, Lý Thường Kiệt, khóm 1, phường 3, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- *Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn T1:* Ông Trần Hoàng A, sinh năm 1966; địa chỉ: Số 37/5, khóm A, phường B, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh (Theo văn bản ủy quyền ngày 12/5/2022).

- *Bị đơn:* Ông Lê Huỳnh Phước L1, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Số 23, đường Đồng Khởi, khóm 7, phường 6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Thái Thị Anh Đào, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Số 81, Lý Thường Kiệt, khóm 1, phường 3, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

2. Bà Ngô Phạm Thúy An, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Số 23, đường Đồng Khởi, khóm 7, phường 6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

3. Bà Lê Thị Hương, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Số 23, đường Đồng Khởi, khóm 7, phường 6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T1, ông Trần Hoàng A đại diện cho ông Nguyễn Văn T1, bị đơn ông Lê Huỳnh Phước L1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thái Thị Anh Đào, bà Ngô Phạm Thúy An, bà Lê Thị Hương, thống nhất thỏa thuận như sau:

Ông Lê Huỳnh Phước L1 cùng các thành viên trong gia đình gồm bà Ngô Phạm Thúy An, bà Lê Thị Hương đồng ý giao trả cho ông Nguyễn Văn T1 quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 454, tờ bản đồ số 08, diện tích 292,6m^2, đất ở tại đô thị, tọa lạc tại số 23, đường Đồng Khởi, khóm 7, phường 6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, căn nhà cấp 4 và toàn bộ tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất nêu trên theo giấy chứng nhận số CQ605109 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh cấp cho bà Huỳnh Thị Mỹ Hiền ngày 16/4/2019 (Chỉnh trang tư cho ông Nguyễn Văn T1) theo biên bản thẩm định ngày 06/12/2022.

- Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T1 đồng ý hoàn trả giá trị tài sản cho ông Lê Huỳnh Phước L1, bà Ngô Phạm Thúy An, bà Lê Thị Hương số tiền 200.000.000 đồng *(Hai trăm triệu đồng)*.

- Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T1 đồng ý cho ông Lê Huỳnh Phước L1, bà Ngô Phạm Thúy An, bà Lê Thị Hương lưu cư 02 tháng (Hai) thời gian lưu cư tính từ ngày 21/12/2022.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: 5.150.000 đồng. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T1 phải chịu 2.575.000 đồng. Ông Nguyễn Văn T1 là con liệt sĩ được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ và có đơn xin miễn án phí được Tòa án chấp nhận nên ông T1 không phải chịu 2.575.000 đồng án phí. Bị đơn ông Lê Huỳnh Phước L1 phải chịu 2.575.000 đồng, nộp Chi cục thi hành án dân sự.

- Về chi phí thẩm định, định giá: là 1.700.000 đồng. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T1 tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 1.700.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền 10.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí tố tụng đã nộp nên ông T1 được nhận lại số tiền 8.300.000 đồng tại Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy

định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TP. Trà Vinh;
- Chi cục THADS TP. Trà Vinh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Minh Thơ